**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II - MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm**(12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | *Số thực* *(12 tiết)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 10%1 |
|  *Giải toán về đại lượng tỉ lệ* |  |  |  |  |  | 11,0 |  |  |
| **2** | Biểu thức đại số(16 tiết ) | *2.1 Biểu thức đại số* | 20,5 |  |  |  |  |  |  |  | 20%2 |
| *2.2 Đa thức một biến* | 20,5 | 11,0 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Một số yếu tố xác suất(6 tiết)*TS=1,5* | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | 20,5 |  |  |  |  |  |  |  | 15%1,5 |
|  |  |  | 11,0 |  |  |  |  |
| 4 | Các hình hình học cơ bản (13 tiết)*TS=3,25* | *4.1 Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác* | 30,75 |  |  | 10,5 |  | 11,0 |  |  | 32,5 %3,25 |
| *4.2 Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học* |  |  |  |  |  |  |  | 11,0 |
| 5 | **Các hình khối trong thực tiễn** **(9 tiết )***TS=2,25* | *5.1 Hình hộp chữ nhật và hình lập phương* | 20,5 |  |  | 10,75 |  |  |  |  | 22,5%2,25 |
| *5.2 Lăng trụ đứng* *tam giác, lăng trụ đứng tứ giác* | 10,25 |  |  | 10,75 |  |  |  |  |
| **Tổng ( 56 tiết)** | **12****3,0** | **1****1,0** |  | **4****3,0** |  | **2****2,0** |  | **1****1,0** | **20****10** |
| **Tỉ lệ %** | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |

1. **BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II MÔN TOÁN -LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | ***Số thực***  | ***Giải toán về đại lượng tỉ lệ*** | **Vận dụng:**– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...).– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...). |  |  | 1TL 13 |  |
| 2 | **Biểu thức đại số** | ***2.1 Biểu thức đại số*** | **Nhận biết:**– Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số. | 2TN 3,4  |  |  |  |
| **Vận dụng:**– Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |  |  |  |  |
| ***2.2 Đa thức một biến*** | **Nhận biết:**– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến;– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. | 2TN 5,6.1TL 14 |  |  |  |
| 3 | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản*** | ***Nhận biết:***–Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suấtcủa biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. | 2TN1, 7 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). |  | 1TL 16 |  |  |
| 4 | **Các hình hình học cơ bản** | ***4.1 Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác***  | ***Nhận biết:***– Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.– Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. | 3TN8,9,10 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180o.– Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).– Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.– Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau). |  | 1TL15 |  |  |
| ***4.2 Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học*** |  |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:*** – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  | 1TL18 |
| 5 | **Các hình khối trong thực tiễn** | ***5.1 Hình hộp chữ nhật và hình lập phương*** | ***Nhận biết***Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. | 2TN2,11  |  |  |  |
| ***Thông hiểu***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). |  | 1,5TL 19aTL20 |  |  |
| ***5.2 Lăng trụ đứng* *tam giác, lăng trụ đứng tứ giác*** |  ***Nhận biết*** – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...). | 1TN12  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...). |  | 0,5TL19 b |  |  |
| **Tổng số**  |  | 13 | 4 | 2 | 1 |
| **Tỉ lệ %** |  | 40 | 30 | 20 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** |  | 70 | 30 |

**C. ĐỀ MINH HỌA**

 **CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 7**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**

***Trong các câu sau mỗi câu chỉ có 1 đáp án đúng, em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng***

**Câu 1:** Trong các biến cố sau, biến cố nào là chắc chắn?

A. Hôm nay tôi ăn thật nhiều để ngày mai tôi cao thêm 10 cm nữa

B. Ở Cao Bằng, ngày mai mặt trời sẽ mọc ở hướng Đông

C. Gieo một đồng xu 10 lần đều ra mặt sấp

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 2:** Hình lập phương là hình có:

1. 12 cạnh bằng nhau
2. 6 cặp cạnh bằng nhau từng đôi một
3. Có 2 đáy lớn hơn mặt bên
4. Có 2 đáy nhỏ hơn mặt bên

**Câu 3:** Trong các biểu thức sau, biểu thức nào là biểu thức số:

A. 8.3 + 2

B. 9 : 3 + 2x

C. 32 – x : 5

D. 3 – 2a

**Câu 4:** Trong các biểu thức sau, biểu thức nào không là biểu thức đại số:

A. x2 – 7x - 32

B. 12 + 23 . 5 = 52

C. 8m – n

D. y3 – 7x + 21

**Câu 5:** Trong các đa thức sau, đa thức nào là đa thức một biến?

A. M = 3x – 5y

B. P = 3x2 + 7x – 2

C. Q = 32 – 5x + y

D. H = x + 2y - 5

**Câu 6:** Cho đa thức P(x) = 2x – 6. Nếu có 2.3 – 6 = 0 thì giá trị nào của x là nghiệm của đa thức P(x)?

A. x = 2

B. x = - 6

C. x = 3

D. x = 0

**Câu 7:** Gieo một đồng xu cân đối. Xác xuất của biến cố: “Đồng xu xuất hiện mặt ngửa là :

A. 1 B. $\frac{1}{2}^{}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{1}{4}$

**Câu 8**: Bộ ba đoạn thẳng nào sau đây có thể là số đo ba cạnh của một tam giác?

1. 4 cm, 2 cm, 6 cm
2. 4 cm, 3 cm, 6 cm
3. 4 cm, 1 cm, 6 cm
4. 3cm, 3cm, 6cm

**Câu 9 :** Cho ΔMNP vuông tại M, khi đó:

 A. MN > NP B. MN > MP C. MP > MN D. NP > MN

**Câu 10:**  Cho tam giác ABC có trung tuyến AM, điểm G là trọng tâm của tam giác. Khẳng định đúng là:

 A.  B. C.  D. 

**Câu 11:** Hãy chọn câu sai. Hình hộp chữ nhật ABCD.A’B’C’D’ có:

A. 6 đỉnh B. 12 cạnh C. 8 đỉnh D. 6 mặt

**Câu 12:** Các cạnh bên của hình lăng trụ đứng :

A . Song song với nhau

B. Bằng nhau

C. Vuông góc với hai đáy

D. Có cả ba tính chất trên

**PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 13 (1,0 điểm-VD).** Để chuẩn bị cho học sinh làm thí nghiệm, cô Hương chia 1,5 lít hóa chất thành ba phần tỉ lệ với 4; 5; 6 và đựng trong ba chiếc lọ. Hỏi mỗi chiếc lọ được bao nhiêu lít hóa chất?

**Câu 14 (1,0 điểm-NB).** Cho đa thức

Thu gọn và sắp xếp đa thức trên theo lũy thừa giảm dần.

**Câu 15 (0,5 điểm-TH).** Cho tam giác ABC có góc B bằng 600 và góc C bằng 700 :Hãy viết các cạnh của tam giác đó theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn.

**Câu 16 (1,0 điểm-TH).** Một thùng kín đựng 5 quả bóng màu đỏ, 10 quả bóng màu xanh, 20 quả bóng màu vàng có cùng kích thước. Ngọc lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong thùng. Hỏi khả năng Ngọc lấy được quả bóng màu gì lớn nhất?

**Câu 18. (1,0 điểm-VDC).** Một sợi dậy thép dài 1,2 m. Cần đánh dấu trên sợi dây thép đó 2 điểm, để khi uốn gấp nó lại tại hai điểm đó sẽ tạo thành tam giác cân có 1 cạnh dài 30cm. Em hãy mô tả các cánh đánh dấu 2 điểm trên sợi dây thép.

**Câu 19** **(1,5 điểm)**:

a) Tính diện tích một thùng mì tôm Hảo Hảo có kích thước như sau: Dài 60cm, rộng 40cm, cao 15cm. ***(thông hiểu)***

b) Một hình lăng trụ đứng có cạnh đáy 50 cm, chiều cao 45cm. Tính thể tích của hình lăng trụ đó ***(thông hiểu)***

**Câu 20** **(1,0 điểm- VD)**: Cho tam giác ABC vuông tại A có $\hat{B}$= 600 . Trên BC lấy điểm H sao cho HB =BA, từ H kẻ HE vuông góc với BC tạ H , (E thuộc AC) **.** Chứng minh BE là tia phân giác góc B

|  |
| --- |
| SẢN PHẨM CỦA CỘNG ĐÔNG GV TOÁN VNLIỆN HỆ: 0386536670GROUP FB: <https://www.facebook.com/groups/316695390526053/> |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

 |
| CHỈ CHIA SẺ VÀ HỖ TRỢ THẦY CÔ TRÊN FB NHƯ TRÊN , ZALO DUY NHẤT.Mọi hành vi kêu gọi mua bản quyền, mua chung, góp quỹ vào các group zalo đều là lừa đảo và chia sẻ trái phép sản phẩm của nhóm. |
| Có thể là hình ảnh về văn bản cho biết 'CỘNG ĐỒNG GIÁO VIÊN TOÁN THES VIỆTN TNA' |